

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG CHÚC MỪNG 70 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2021

Thân ái gửi các đồng chí cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương Việt Nam

Nhân dịp 70 năm Ngày Truyền thống của ngành Công Thương Việt Nam (14/5/1951- 14/5/2021), hòa trong không khí phấn khởi cùng cả nước chào mừng thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, thay mặt Ban Cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Công Thương, tôi gửi tới các thế hệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương Việt Nam lời thăm hỏi ân cần, lời chúc mừng nồng nhiệt và những tình cảm tốt đẹp nhất.

Các đồng chí thân mến

70 năm qua, ngành Công Thương đã không ngừng trưởng thành, vững mạnh cùng đất nước. Trong từng mốc son lịch sử của dân tộc và cách mạng đã ghi dấu nhiều sự kiện, cũng như nhiều thành tựu có đóng góp quan trọng của các thế hệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương. Phát huy truyền thống đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, không quản ngại gian khổ, sẵn sàng hy sinh cho độc lập, tự do của dân tộc, tiên phong trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngành Công Thương đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đóng góp tích cực vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

Chúng ta đang ở trong giai đoạn lịch sử đầy thử thách, khó khăn trước những biến động của tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực, đặc biệt là những thay đổi toàn diện, sâu sắc do đại dịch Covid 19 gây ra. Bên cạnh đó, cũng đang xuất hiện nhiều thời cơ và thuận lợi mới. Nhiệm vụ, trọng trách đặt ra trong giai đoạn tới là hết sức nặng nề nhưng cùng với nền tảng phát triển vững chắc trong những năm qua đang mở ra cho ngành Công Thương những cơ hội để cơ cấu lại ngành, tập trung vào các vấn đề về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của ngành, tận dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để số hóa, công nghệ hóa phương thức sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng, nhất là công nghiệp hỗ trợ, cơ khí chế tạo... Phát triển năng lượng bền vững, năng lượng tái tạo xanh, sạch; tận dụng tốt cơ hội của việc tham gia các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) quan trọng đã ký kết để mở rộng, đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, kiểm soát có hiệu quả nhập khẩu; phát triển thương mại nội địa để khai thác có hiệu quả khu vực thị trường gần 100 triệu dân. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, khơi thông nguồn lực; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng cho người dân và doanh nghiệp.

Tôi tin tưởng rằng với tinh thần quyết tâm lớn, trách nhiệm cao, đoàn kết, nhất trí, tập thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương sẽ tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của các thế hệ đi trước cùng chung sức, đồng lòng; chủ động, sáng tạo; giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương; thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó.

Chúc các đồng chí và gia đình Sức khỏe, Hạnh phúc và Thành công!

Chúc ngành Công Thương ngày càng phát triển vững mạnh!

Thân ái,
Nguyễn Hồng Diên
Ủy viên Trung ương Đảng
Bộ trưởng Bộ Công Thương

70
NĂM

NGÀNH CÔNG THƯƠNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

ThS.PHẠM VĂN BÌNH
Giám đốc Sở Công Thương Gia Lai

Trong suốt chặng đường hình thành, xây dựng và phát triển, ngành Công Thương luôn giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực góp phần quan trọng đối với sự phát triển, hội nhập kinh tế của đất nước.

Ngày 28 tháng 8 năm 1945, Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên cáo về Nội các thống nhất quốc gia, trong đó có Bộ Kinh tế quốc gia. Ngày 14 tháng 5 năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 21/SL đổi tên Bộ Kinh tế thành Bộ Công Thương. Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển Bộ Công Thương liên tục được tách, nhập với những tên gọi khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ cách mạng; Ngày 31 tháng 7 năm 2007, Quốc hội khóa XII thông qua Nghị quyết số 01/2007/QH12 hợp nhất Bộ Công nghiệp và Bộ Thương mại thành Bộ Công Thương. Ngày 02 tháng 10 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng ký Quyết định số 1418/QĐ-TTg lấy ngày 14 tháng 5 hàng năm là “Ngày truyền thống của ngành Công Thương Việt Nam”.

Dù với tên gọi khác nhau nhưng trải qua 70 năm xây dựng và phát triển cùng đất nước, ngành Công Thương đã có đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc qua 2 cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, ngành Công Thương tiếp tục có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đã tạo ra những bước tiến vững chắc, những thành tựu quan trọng, từng bước thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển công nghiệp và

thương mại trong giai đoạn mới, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của đất nước và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Các thế hệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương đã không quản ngại khó khăn, gian khổ, sẵn sàng hy sinh cho độc lập tự do của dân tộc, đồng thời cũng là lực lượng tiên phong trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Đối với tỉnh Gia Lai, trước năm 1975 cùng với nhân dân cả nước tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và cũng là thời kỳ khó khăn,



Thi công móng turbine gió trên địa bàn - Ảnh từ chủ đầu tư



Mua sắm tại Siêu thị CoopMart Pleiku. Ảnh: XTTM

gian khổ nhất của đội ngũ những người làm công tác công thương, nhiều đồng chí đã để lại một phần xương máu của tuổi thanh xuân hoặc anh dũng hy sinh nơi chiến trường. Ngành Công nghiệp Gia Lai tiền thân là Ban sản xuất tổ sản xuất sửa chữa quân khí (lò rèn), sản xuất các loại nông cụ, cơ sở chế biến bún bánh phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống trong vùng chiến khu. Ngành Thương mại Gia Lai cũng có một quá trình phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Từ một tổ chức kinh tế thuộc Ban Kinh tế Tây Nguyên (năm 1949); Ban Kinh tài (năm 1955); Ban Tài mậu (năm 1961); Tiểu ban Thương nghiệp mậu dịch (năm 1966); Tiểu ban Công Thương Gia Lai (năm 1972 hợp nhất Tiểu ban Thương nghiệp và Tiểu ban Công nghiệp), hoạt động chủ yếu trao đổi, mua bán nông cụ, lương thực, thực phẩm thiết yếu phục vụ sự nghiệp kháng chiến.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, công tác quản lý nhà nước về công

nghiệp là một bộ phận thuộc Ty Công nghiệp - Xây dựng (Quyết định số 56-QĐ/UB tháng 9/1975); đến ngày 17 tháng 5 năm 1976, tách Ty Công nghiệp - Xây dựng thành Ty Công nghiệp và Ty Xây dựng (Quyết định số 92/TC-QĐ). Đối với ngành thương mại, ngày 12 tháng 8 năm 1975, Ty Thương nghiệp được thành lập (Chỉ thị số 20-TU của Thường vụ Tỉnh ủy) và đến năm 1979 đổi tên thành Sở Thương nghiệp. Đến ngày 30 tháng 9 năm 1991, tỉnh Gia Lai thành lập Sở Công nghiệp và Sở Thương mại-Du lịch. Thực hiện Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ, Sở Công Thương được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Công nghiệp với Sở Thương mại Du lịch; đồng thời chuyển chức năng du lịch sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) (Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 của UBND tỉnh).

Thành quả xây dựng và phát triển ngành Công Thương tỉnh trong 70 năm qua là rất vẻ vang

và đáng tự hào, nhất là 30 năm trở lại đây; giá trị sản xuất công nghiệp, tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và kim ngạch xuất khẩu có những bước phát triển đáng kể, giá trị sản xuất kinh doanh tăng cao. Hiện nay, ngành Công Thương đóng góp một phần quan trọng trong tổng GRDP cũng như thu ngân sách của tỉnh và tạo việc làm trực tiếp cho hàng vạn lao động. Đến năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 22.518 tỷ đồng, gấp 1,48 lần so với năm 2015, tăng bình quân hàng năm 8,2 tỷ đồng; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2020 đạt 75.000 tỷ đồng, gấp 1,97 lần so với năm 2015, tăng bình quân 14,57%; kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 580 triệu USD, tăng gấp 1,96 lần so với 2015, tăng bình quân hàng năm 14,38%. Ngành công nghiệp đang phát triển theo hướng tăng tỷ trọng chế biến, khai thác thế mạnh về phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo; thị trường hàng hóa, dịch vụ phát triển đồng bộ, hệ thống hạ



Nhà máy điện sinh khối An Khê - Ảnh từ qns.cnpt.vn

tầng thương mại phát triển nhanh về số lượng, quy mô hoạt động ở cả thành thị và nông thôn; sản phẩm hàng hóa đặc trưng tiêu biểu của tỉnh đã dần có thương hiệu trên thị trường; hoạt động xuất khẩu ngày càng được mở rộng thị trường và tăng trưởng về kim ngạch. Hệ thống mạng lưới sản xuất, kinh doanh công thương phát triển đều khắp, đa dạng về tổ chức và thành phần kinh tế; phạm vi hoạt động mở rộng, đáp ứng được nhu cầu về sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Chủ thể hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực công thương tăng nhanh, trên địa bàn tỉnh hiện có 3.136 doanh nghiệp, trong đó hoạt động công nghiệp là 1.740, hoạt động thương mại là 1.396; số hộ cá thể hoạt động sản xuất kinh doanh công nghiệp và thương mại là 33.510 hộ, trong đó hoạt động công nghiệp là 6.427, hoạt động thương mại là 27.083; ngoài mạng lưới kinh doanh trên còn có 94 chợ và 19 siêu thị.

Các cơ quan hành chính thuộc ngành được củng cố về tổ chức và cán bộ. Công chức, viên chức không ngừng được nâng cao về năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ. Đến nay, Sở Công Thương có 51 công chức, viên chức, người lao động. Trong đó khối Văn phòng

sở 34 công chức, 2 lao động hợp đồng; Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại 15 viên chức. Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 06 người, đại học 43 người. Các tổ chức Đảng, Đoàn thể được quan tâm xây dựng đạt vững mạnh về mọi mặt. Đến nay, Đảng bộ Sở Công Thương có 3 chi bộ trực thuộc, với tổng số 40 đảng viên; Công đoàn có 51 đoàn viên, Chi đoàn thanh niên với 7 đoàn viên.

Trong 70 năm qua, ngành Công Thương trải qua nhiều lần tách, nhập bộ máy. Nhưng, dù ở bất cứ giai đoạn nào, với tên gọi có thể khác nhau, ngành Công Thương luôn tiên phong, khẳng định vị trí quan trọng trong nền kinh tế đất nước. Tự hào về sự phát triển của ngành và khẳng định là một trụ cột quan trọng của nền kinh tế có những đóng góp quan trọng và tích cực trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong 5 năm tới, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020, ngành Công Thương Gia Lai phát huy truyền thống trong 70 năm qua, sẽ tập trung đẩy mạnh phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng, có lợi thế so sánh của tỉnh, nhất là công nghiệp chế biến nông lâm xuất khẩu, công nghiệp

hỗ trợ, cơ khí chế tạo. Thu hút đầu tư xây dựng, hình thành và phát triển Khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp có tính kết nối cao và lan tỏa rộng. Phát triển năng lượng bền vững, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch nhất là điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối... từng bước đưa Gia Lai trở thành một trong những trung tâm năng lượng quốc gia, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Triển khai giải pháp đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa; ứng dụng thành tựu của cách mạng công nghệ 4.0 đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử; tận dụng cơ hội của việc tham gia các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) để mở rộng, đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, tăng tỷ trọng xuất khẩu qua chế biến sâu. Chú trọng đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trọng điểm của tỉnh. Tổ chức hoạt động điều tiết lưu thông hàng hóa, bảo đảm cân đối cung cầu mặt hàng thiết yếu, bảo đảm chất lượng, bình ổn thị trường. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của ngành; khơi thông nguồn lực; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng cho người dân và doanh nghiệp

Kế thừa những truyền thống của ngành, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương Gia Lai sẽ không ngừng phấn đấu vươn lên, với tinh thần quyết tâm lớn, trách nhiệm cao, đoàn kết, nhất trí sẽ tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của các thế hệ đi trước cùng chung sức, đồng lòng; chủ động, sáng tạo; giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương; thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025./.

P.V.B

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Thời gian qua, Gia Lai là một trong những địa phương có sự phát triển mạnh mẽ ở lĩnh vực điện năng lượng tái tạo (NLTT). Đây tiếp tục là mục tiêu phát triển của tỉnh trong tương lai. Để đạt mục tiêu đó, tỉnh ta đã triển khai nhiều giải pháp mang tính căn cơ nhằm vừa phát triển nguồn năng lượng này vừa đảm bảo môi trường, đồng thời cũng đảm bảo ổn định đời sống của người dân.

Tính cho tới thời điểm này, công nghiệp sản xuất điện chủ yếu từ thủy điện đã khai thác

hầu hết các tiềm năng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 6,15%, năm 2020 giá trị sản xuất ngành điện đạt 7.193 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn tỉnh có 49 dự án thủy điện đang vận hành với tổng công suất 2.246,15 MW (gồm: 08 dự án thủy điện lớn với tổng công suất 1907 MW; 41 dự án thủy điện vừa và nhỏ với tổng công suất 339,15 MW); 03 dự án thủy điện đã được cấp chủ trương đầu tư và đang triển khai đầu tư xây dựng với tổng công suất 74 MWp và tổng vốn đầu tư dự kiến 1.708,65 tỷ đồng; 05 dự án điện mặt trời đã được bổ sung quy hoạch, phê duyệt chủ trương đầu tư và đang triển khai đầu tư với tổng quy mô công suất 74 MWp và tổng vốn đầu tư dự kiến 866,407 tỷ đồng; 09 dự án thủy điện có trong quy hoạch, chưa có chủ trương đầu tư với tổng công suất 59,2 MW.

Về điện mặt trời, toàn tỉnh đã có 2 dự án đưa vào vận hành với tổng công suất 84 MWp với tổng vốn đầu tư là 1.569,00 tỷ đồng; 02 dự án điện mặt trời đã được bổ sung quy hoạch, phê duyệt chủ trương đầu tư và đang triển khai đầu tư với tổng quy mô công suất 74 MWp và tổng vốn đầu tư dự kiến 1.708,65 tỷ đồng; 05 dự án điện mặt trời đã được bổ sung quy hoạch, chưa



Trạm biến áp 500kV Pleiku 2 - Ảnh từ Truyền tải điện Gia Lai



Đập thủy điện Ka Nak - Ảnh từ akhpc.vn

có chủ trương đầu tư với tổng quy mô công suất 654 MWp; 10 dự án điện mặt trời đã được UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bổ sung quy hoạch với tổng quy mô công suất là 1.125 MWp; 25 dự án điện mặt trời đã được UBND tỉnh cho phép khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch với tổng quy mô công suất dự kiến là 4.563,5 MWp. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 3.248 hệ thống điện mặt trời mái nhà đã đưa vào vận hành với tổng công suất khoảng 603,822 MWp.

Về điện gió, tới nay, đã có 17 dự án điện gió đã được phê duyệt chủ trương và đang triển khai đầu tư, với tổng quy mô

công suất 1.242,4 MW và tổng vốn đầu tư dự kiến 43.197,63 tỷ đồng; 89 dự án điện gió đã được UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bổ sung quy hoạch, tổng quy mô công suất 11.559,20 MW; 09 dự án điện gió đã được UBND tỉnh cho phép khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch, tổng quy mô công suất dự kiến 1.221,40 MW. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 02 dự án nhà máy điện sinh khối từ bã mía đang vận hành với tổng công suất 144,6 MW.

Trên cơ sở quan điểm của Đảng và Nhà nước là “Phát triển năng lượng phải đi trước một bước, đáp ứng được yêu cầu

phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia” và các chính sách ưu tiên phát triển NLTT của Chính phủ, thời gian qua, Gia Lai rất quan tâm kêu gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực này. Thực tế, với tiềm năng, thế mạnh rất lớn trong phát triển NLTT, tỉnh đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư. Sở Công thương được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp về cải cách hành chính, tạo môi trường, hành lang pháp lý thuận lợi nhằm hỗ trợ tối đa cho các nhà đầu tư cũng như kịp thời tháo gỡ khó khăn, giúp nhà đầu tư đẩy nhanh quá trình triển khai các dự án.

Việc nghiên cứu bổ sung quy hoạch và triển khai đầu tư xây dựng các dự án NLTT đã thu hút một số lượng lớn vốn đầu tư vào tỉnh. Cụ thể, mức đầu tư trung bình là 35 tỷ đồng/MW điện gió, 25 tỷ đồng/MW điện mặt trời nối lưới, 30 tỷ đồng/MW thủy điện, 15 tỷ đồng/MW điện mặt trời mái nhà... Cùng với đó, các dự án đã phát huy có hiệu quả nguồn lực đất đai, đảm bảo hiệu quả đầu tư của các chủ đầu tư, tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, tạo ra thêm việc làm cho người lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, góp phần tăng nguồn thu ngân sách trên địa bàn để phục vụ

phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đặc biệt là ít gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường sinh thái khu vực. Ngoài ra, các dự án NLTT còn tạo ra một hình ảnh mới có tác động tích cực cho ngành du lịch của tỉnh.

Nhằm phát huy nhưng kết quả đạt được và tiếp tục thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực năng lượng (đặc biệt là năng lượng tái tạo) trên địa bàn tỉnh, trong thời gian đến, Sở Công thương sẽ tiếp tục triển khai nhiều giải pháp theo tinh thần của Chương trình số 110-CTr/TU ngày 03/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày

11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ và Chương trình số 110-CTr/TU ngày 03/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo đó, Sở Công thương nói



Vận chuyển thiết bị điện gió. Ảnh: QLNL



Dự án điện mặt trời Krông Pa - Ảnh từ chủ đầu tư

riêng cũng như các ngành, các cấp của tỉnh nói chung cần tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo. Xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp năng lượng tái tạo. Rà soát các ngành và khu vực tiêu thụ năng lượng đồng bộ với thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp năng lượng tái tạo; khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hóa phát triển trong đầu tư và khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, dịch vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo.

Bên cạnh đó là tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu rà soát, đổi mới cơ chế, chính sách, phát

triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo. Phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp năng lượng tái tạo. Thực thi chính sách về đất đai và bảo vệ môi trường

trong ngành công nghiệp năng lượng tái tạo gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững./.

P.QLNL



Hệ thống đường dây điện mặt trời. Ảnh: PQLNL

THƯƠNG MẠI GIA LAI TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN

Gia Lai là tỉnh có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng đối với khu vực và cả nước. Tỉnh Gia Lai sẽ trở thành khu vực khởi đầu hội nhập, một vị trí quan trọng trên tuyến hành lang thương mại quốc tế nối đông bắc Thái Lan, Campuchia, Nam Lào với khu vực Tây nguyên và Duyên hải miền trung Việt Nam. Nền kinh tế của tỉnh Gia Lai có sự tăng trưởng hơn mức trung bình của cả nước. Hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp quan trọng như công nghiệp sản xuất và phân phối điện, điện tái tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, lâm sản... ngày càng rõ

nét có lợi thế cạnh tranh và tạo thị phần trên cả nước và thế giới như cà phê, tiêu, cao su và sản phẩm chế biến lâm sản.

1. Hoạt động nội thương:

Trong những năm qua, hoạt động thương mại đã có những tác động tích cực đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần tích cực vào phát triển sản xuất, phân công lại lao động xã hội, thúc đẩy các ngành đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, làm cho sản xuất từng bước gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ sản phẩm và bước đầu phát huy được lợi thế của địa phương, tạo ra giá trị gia tăng

cho nền kinh tế. Với những chuyển biến tích cực về kinh tế- xã hội của tỉnh Gia Lai, ngành thương mại của tỉnh cũng có sự phát triển tốt hơn, thể hiện qua tốc độ tăng nhanh các chỉ tiêu như giá trị tăng thêm đóng góp vào tăng trưởng GDP của tỉnh, tổng mức BLHH&DTDV năm 2016 đạt 44.350 tỷ đồng, năm 2020 đạt 72.266 tỷ đồng và kế hoạch năm 2021 ước đạt 84.000 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 là 13,72%

Phát triển thương mại là yếu tố quan trọng để phát triển các ngành sản xuất theo hướng CNH, HĐH, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày



Cửa hàng xăng dầu Bắc Tây Nguyên. Ảnh: XTTM



càng tăng của nhân dân trên địa bàn và góp phần tạo nên một diện mạo thị trường văn minh, hiện đại. Đồng thời là điều kiện quan trọng để Gia Lai tăng cường các mối quan hệ kinh tế và nâng cao vị thế của mình trong vùng Tây Nguyên, trong nước và nước ngoài trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Xúc tiến thương mại (XTTM) là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ như: Khuyến mại, quảng cáo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ, hội chợ, triển lãm thương mại, ... Hoạt động XTTM luôn giữ một vị trí quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và trở thành đòn bẩy hữu hiệu giúp các doanh nghiệp tìm được đầu ra cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ và mở rộng thị trường. Để công tác XTTM đạt ở một tầm cao mới, phục vụ tốt cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cho mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh, thời gian qua Sở Công Thương đã có nhiều giải pháp đẩy mạnh hoạt động xúc

tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, ngành Công thương Gia Lai bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Bộ Công Thương để triển khai, nhất là việc tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu biểu là tổ chức tốt các hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa hàng năm tại tỉnh Gia Lai và kết nối doanh nghiệp tỉnh mang những sản phẩm đặc trưng của tỉnh tham gia các hội nghị kết nối cung cầu tại một số tỉnh bạn trên phạm vi cả nước. Bên cạnh đó, ngành Công thương cũng đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tỉnh nhà tham gia các lượt hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài, nhằm quảng bá thương hiệu và tìm kiếm cơ hội vươn xa của các doanh nghiệp.

2. Hoạt động ngoại thương:

Với nguồn sản phẩm nông sản phong phú và đa dạng, tỉnh Gia Lai có thế mạnh về xuất khẩu hàng nông sản như cao su 100.429 ha với sản lượng 97.500 tấn mủ khô/năm, cà phê 93.450 ha với sản lượng hơn 199.000 tấn/năm, tiêu 15.700 ha với sản lượng trên 49.000 tấn/năm, điều 17.275 ha với sản lượng hơn 49.000 tấn/năm, săn 64.840 ha với sản lượng trên 122.850 tấn/năm và nhiều hàng hóa nông sản khác...

đây là nguồn hàng hóa chủ lực cho hoạt động xuất khẩu của tỉnh. Toàn tỉnh có hơn 40 doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu thường xuyên, với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 580 triệu USD (năm 2020), trong những năm qua các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất khẩu có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều doanh nghiệp có quy mô, uy tín đã quan tâm tham gia vào hoạt động kinh doanh xuất khẩu như: Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai; Công ty cao su Chư Prông; Công ty cao su Chư Sê; Công ty cao su Chư Păh; Công ty Louis Dreyfus, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp, Công ty TNHH Trung Hiếu... Xuất khẩu hàng hóa của tỉnh đã có mặt tại thị trường của 40 nước trên thế giới. Những năm gần đây kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của tỉnh có tốc độ tăng trưởng khá, đây cũng là tín hiệu đáng mừng của nhân dân về nhu cầu đầu ra cho sản phẩm các mặt hàng nông sản, đảm bảo tính bền vững trong sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra tỉnh Gia Lai có Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh với tổng diện tích là 210 ha đang thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu kinh tế, đã và đang phát huy vai trò là cửa ngõ giao thương quan trọng giữa tỉnh với nước bạn

Campuchia. Trong những năm qua kim ngạch thương mại hai chiều giữa Gia Lai và Campuchia ngày càng gia tăng cao, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy quá trình hợp tác, giao thương giữa hai nước, góp phần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Gia Lai.

Mạng lưới kinh doanh của các thành phần kinh tế được từng bước mở rộng; hàng hoá phong phú, đáp ứng yêu cầu đa dạng của các tầng lớp dân cư; phương thức cung ứng hàng hóa có sự thay đổi, xuất hiện phương thức mua bán thuận lợi cho người mua và người bán cùng với những mô hình mới văn minh, tiện lợi, giá cả hợp lý.

Các doanh nghiệp từng bước khai thác thế mạnh về vùng nguyên liệu tại địa phương. Các

khâu trung gian giảm dần, phát triển thêm khách hàng trực tiếp và tạo lập được những thị trường mới cho các sản phẩm có thế mạnh. Việc nhập khẩu được điều hành đúng theo chủ trương của Nhà nước, tiết kiệm ngoại tệ, tập trung cho phát triển sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân đối với những mặt hàng thiết yếu

3. Hạ tầng thương mại

Tình hình phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh hiện có 94 chợ, có 01 trung tâm thương mại; 01 trung tâm hội chợ triển lãm; 19 siêu thị, trong đó có 09 siêu thị kinh doanh tổng hợp, 10 siêu thị chuyên doanh chuyên ngành như điện máy, vật tư nông nghiệp...; có 406 cửa hàng kinh doanh xăng dầu; Có 517 cửa hàng

bán lẻ gas; có trên 1.000 doanh nghiệp kinh doanh thương mại và có khoảng trên 25 ngàn hộ kinh doanh cá thể...

Với truyền thống hiếu khách và khát vọng vươn xa của con người Gia Lai, sẵn lòng chào đón và đồng hành cùng các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tại đây, các nhà đầu tư sẽ được tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để thực hiện thành công dự án của mình. Hãy đến với Gia Lai, đến với quyết định đầu tư đúng đắn “Thủ tục nhanh gọn - kinh doanh an toàn - đầu tư hiệu quả - phát triển bền vững”. Các nhà đầu tư sớm nhận ra Gia Lai thực sự là điểm đến tin cậy, an toàn, thuận lợi và những cơ hội phát triển mới, đảm bảo phát triển bền vững trong tương lai./.

Phòng Quản lý Thương mại

HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG & XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI GIA LAI TRONG NHỮNG NĂM QUA

Những năm qua hoạt động Khuyến công và Xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh đã đem lại nhiều hiệu quả thiết thực. Với chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh và Sở Công thương giao, trong suốt chặng đường 14 năm hoạt động Trung tâm khuyến công & Xúc tiến thương mại Gia Lai luôn giữ một vị trí quan trọng trong hoạt động phát triển công nghiệp nông thôn, Cung cấp thông tin thương mại, hoạt động kết nối giao thương tìm kiếm thị trường và mở rộng thị trường xuất khẩu góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay một khi cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt thì công tác

khuyến công & xúc tiến thương mại trở thành đòn bẩy hữu hiệu nhất giúp các doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, quảng bá thương hiệu và mở rộng thị trường kinh doanh .

Những năm gần đây, hoạt động khuyến công và Xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh đã dần có những bước phát triển mạnh mẽ, có thể thấy việc triển khai thực hiện hiệu quả các đề án khuyến công đã tạo động lực quan trọng phát triển công nghiệp và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thông qua đó đã thu hút được nhiều nguồn lực khác đầu tư vào công nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó công tác Xúc tiến thương mại trong thời gian qua cũng tạo nên một dấu

ấn không chỉ về vấn đề phát triển kinh tế, mà còn đóng góp vào việc thay đổi diện mạo nông thôn trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Trong các hoạt động khuyến công, đặc biệt là hoạt động xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật và ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất đã giúp công nghiệp nông thôn tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng, giải quyết việc làm cho người lao động vùng nông thôn và tăng giá trị hàng hóa. Có thể nói, những kết quả đạt được trong hoạt động khuyến công và xúc tiến thương mại thời gian qua là một nỗ lực rất lớn, bằng việc triển khai các hoạt động một cách nghiêm túc, đồng

bộ, các chương trình khuyến công và chương trình Xúc tiến thương mại đã mang lại sự đổi mới cho phát triển công nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong 5 năm qua (2016-2020) công tác Khuyến công đã huy động được các nguồn vốn hỗ trợ tổng cộng là 36.123,928 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí Khuyến công quốc gia : 9.310 tỷ đồng
- Nguồn kinh phí khuyến công địa phương: 744 triệu đồng
- Nguồn kinh phí của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn: 26.069,928 tỷ đồng

Với kinh phí trên thời gian qua đã hỗ trợ nhiều đề án khuyến công cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nhằm nâng cao năng lực quản lý, đào tạo nghề và nâng cao tay nghề cho người lao động, trong đó có 01 đề án hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, 03 đề án hỗ trợ mô hình trình diễn kỹ thuật; 14 đề án hỗ trợ máy móc thiết bị tiên tiến. Tận dụng các nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước đã giúp cho các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tiến mẫu mã sản xuất bằng dây chuyền sản xuất hiện đại, tăng cường cạnh tranh với các tỉnh trong khu vực.

Bên cạnh công tác Khuyến công, trong 5 năm qua công tác Xúc tiến thương mại luôn được Lãnh đạo Bộ Công thương, Lãnh đạo các cấp các ngành trong tỉnh quan tâm. Tổng kinh phí được phê duyệt hoạt động Xúc tiến thương mại trong 5 năm (2016 - 2020) là 7,410 tỷ đồng trong đó:

- Nguồn kinh phí XTTM quốc gia: 4.035 tỷ đồng
- Nguồn kinh phí XTTM địa phương: 3,375 tỷ đồng



Triển lãm thành tựu 10 năm xây dựng nông thôn mới. Ảnh: XTTM

Với nguồn kinh phí cấp cho hoạt động Xúc tiến thương mại trong những năm qua công tác Xúc tiến thương mại luôn hỗ trợ cho doanh nghiệp quảng bá sản phẩm thông qua các hội chợ triển lãm, các Hội nghị kết nối giao thương tại các tỉnh thành trong cả nước, chương trình do Cục xúc tiến thương mại Bộ công thương và sở Công thương chỉ đạo.

Các phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn được đánh giá cao về khâu tổ chức và công tác phối hợp thực hiện. Việc khai thác & cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử <http://tipcglalai.vn> đã được nhiều đối tượng doanh nghiệp quan tâm, số lần truy cập của trang thông tin điện tử có ngày trên 4.000 lượt truy cập để tìm hiểu thông tin về giá cả thị trường, tin tức hội chợ triển lãm và các hoạt động của Ngành công thương.

Ngoài việc cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của Trung tâm, dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo Sở Công thương, Trung tâm khuyến công & Xúc tiến thương mại đã phối hợp với đài Phát thanh và

truyền hình tỉnh Gia Lai thực hiện và phát sóng chuyên mục truyền hình Công thương, chuyên mục bảo vệ người tiêu dùng và chuyên mục mỗi xã một sản phẩm phát sóng trên đài phát thanh và truyền hình Gia Lai mỗi tháng nhằm phản ánh những hoạt động chính của ngành. Bản tin Công nghiệp và Thương mại được xuất bản định kỳ hàng tháng cung cấp cho các cấp lãnh đạo trong tỉnh cũng được đánh giá rất cao, tin tức phản ánh trong bản tin Công nghiệp & Thương mại luôn kịp thời và nội dung đầy đủ các hoạt động của những phòng ban chuyên môn thuộc Sở Công thương cung cấp. Nhận thức rõ tầm quan trọng trong việc cung cấp thông tin trong công tác tuyên truyền, thời gian qua Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại đã không ngừng cố gắng, nỗ lực và chú trọng đến việc nghiên cứu để nâng cao chất lượng, giá trị của thông tin, trên website, trên các chuyên mục truyền hình và trên bản tin Công nghiệp và thương mại nhằm phản ánh thông tin một cách kịp thời, chính xác như thông tin về



thị trường xuất nhập khẩu, cơ chế chính sách, thông tin về các hiệp định thương mại, công tác kiểm tra kiểm soát thị trường ngày một chất lượng và phong phú hơn.

Trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 23/1/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2030. Trong hai thực hiện triển khai chương trình Sở công thương đã chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thực hiện một số nhiệm vụ sau :

- Xây dựng, xuất bản 600 tập san “OCOP Gia Lai-Mỗi xã một sản phẩm”.
- Xây dựng sàn thương mại điện tử có tên miền <http://OCOPgialai.vn>.
- Xây dựng 13 chuyên mục

“OCOP Gia Lai-Mỗi xã một sản phẩm” phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Gia Lai.

- Tổ chức hội chợ triển lãm các sản phẩm OCOP của tỉnh Gia Lai lần thứ I-2019, nhân ngày kỷ niệm 90 năm thành lập đô thị Pleiku.

- Tham gia các Hội chợ triển lãm và giới thiệu sản phẩm OCOP tại một số tỉnh thành trên cả nước.

Công tác tăng thu sự nghiệp trong nhiều năm qua đã được lãnh đạo trung tâm cố gắng tăng cường mọi nguồn lực, vừa làm vừa học hỏi kinh nghiệm của các tỉnh bạn, trau dồi thêm kiến thức xây dựng phương án thu sự nghiệp theo lộ trình từng bước ổn định thu nhập trong những năm tới.

Nhìn lại trong nhiều năm hoạt động của lĩnh vực xúc tiến thương mại Gia Lai, dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo Sở Công thương cùng với sự chủ động xây dựng chương trình kế hoạch công tác và sự cố gắng

phấn đấu không ngừng của toàn bộ cán bộ trong Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại cho thấy công tác Khuyến công & Xúc tiến thương mại trong năm qua đã đem lại một sự khởi sắc mới, góp phần thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đã kết nối được nhiều tổ chức kinh doanh thuộc nhiều lĩnh vực Xúc tiến thương mại trong cả nước. Trong những năm tới Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại sẽ tiếp tục phát huy hơn nữa những kết quả đạt được và nắm bắt nhiều thông tin bổ ích, những chính sách hỗ trợ cần thiết cho doanh nghiệp trong công tác Khuyến công & Xúc tiến thương mại đồng thời làm cầu nối giúp cho các doanh nghiệp phát triển ngày một tốt hơn với một diện mạo mới góp phần tích cực vào công cuộc bảo vệ và xây dựng và phát triển kinh tế ./.

Huy Hoàng

Một số HOẠT ĐỘNG CỦA



Triển lãm thành tựu 10 năm xây dựng nông thôn mới.



Hội nghị tổng kết chương trình hợp tác thương mại giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành năm 2020.



Lãnh đạo Sở làm việc tại Công ty cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao.



Đồng chí Vương Đình Huệ thăm Hội chợ OCOP tỉnh Gia Lai lần thứ I.



Đưa hàng Việt về nông thôn.



Hội chợ triển lâm OCOP tỉnh Gia Lai lần thứ I năm 2019.

SỞ CÔNG THƯƠNG



Kỷ niệm 60 năm Ngày Truyền thống ngành Công Thương Việt Nam và Công Thương Gia Lai.



Hội chợ triển lãm thương mại và giới thiệu sản phẩm OCOP Gia Lai năm 2020.



Hội nghị kết nối cung cầu tại Phú Yên năm 2018.



Các sản phẩm đặc trưng tỉnh Gia Lai tham dự hội chợ triển lãm.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN

1. Về đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp của ngành công nghiệp chế biến:

Năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) đạt 22.519 tỷ đồng, tăng 6,61% so với cùng kỳ. Trong đó, công nghiệp chế biến chế tạo đã đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp 15.059 tỷ đồng (chiếm 66,87% giá trị toàn ngành công nghiệp) tăng 5,84% so với cùng kỳ.

2. Khái quát một số sản phẩm chủ lực của tỉnh Gia Lai:

Với tiềm năng lợi thế của tỉnh, Gia Lai đã phát huy có hiệu quả các lợi thế về vị trí, tài nguyên đất đai, thời tiết, khí hậu và truyền thống sản xuất của địa phương. Qua đó, đã hình thành các vùng cây trồng theo hướng tập trung, tạo nguồn nguyên liệu ổn định để các nhà máy chế biến phát huy được công suất thiết kế, tạo ra các sản phẩm chủ lực của tỉnh, đóng góp phần lớn vào giá trị sản xuất công nghiệp nói chung và giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến nói riêng. Cụ thể:

2.1. Đường tinh chế:

- Hiện nay, trên địa bàn có 02 nhà máy chế biến đường tinh chế với công suất 24.000 tấn mía cây/ngày. Trong đó: Nhà máy đường Ayun Pa - Công TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai: 6.000 tấn mía cây/ngày và Nhà máy đường An Khê: 18.000 tấn mía cây/ngày.

- Diện tích mía thu hoạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai đạt 30.000 Ha, năng suất 73,3 tấn/ha, sản lượng mía đạt 2.199.000 tấn mía cây.

- Tỷ lệ chế biến đường tinh chế từ nguyên liệu mía đạt 100% (sản lượng đường tinh chế năm 2021 đạt 300.000 tấn kể cả đường RE).

2.2. Tinh bột sắn:

- Hiện nay có 05 nhà máy chế



biến tinh bột sắn đi vào hoạt động với tổng công suất 1.000 tấn thành phẩm/ngày. Trong đó: Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai cơ sở 1 - Chi nhánh Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi: 200 tấn thành phẩm/ngày; Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai cơ sở 2 - Chi nhánh Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi: 200 tấn thành phẩm/ngày; Nhà máy chế biến sắn Phú Túc - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thực phẩm và Đầu tư Fococev: 200 tấn thành phẩm/ngày; Nhà máy chế biến sắn la Pa - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thực phẩm và Đầu tư Fococev: 150 tấn thành phẩm/ngày và Nhà máy chế biến sắn - Công ty TNHH Vạn Phát: 250 tấn thành phẩm/ngày.

- Diện tích cây sắn đạt 72.600 Ha, năng suất 20,25 tấn/Ha, sản lượng sắn đạt 1.470.150 tấn củ tươi.

- Tỷ lệ chế biến tinh bột sắn từ nguồn sắn nguyên liệu trên địa bàn tỉnh đạt 49,8% (sản lượng tinh bột sắn năm 2021 dự kiến đạt 205.000 tấn). Sản lượng còn lại được thái lát, phơi khô để xuất khẩu, chế biến

thức ăn gia súc và một số sản phẩm khác.

2.3. Hạt điều:

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 05 nhà máy chế biến hạt điều nguyên liệu đang hoạt động với công suất 15.600 tấn nguyên liệu/năm. Trong đó: Nhà máy chế biến điều O Lam - Cty TNHH Olam: 5.000 tấn nguyên liệu/năm; Nhà máy chế biến điều Long Sơn Ayun Pa - Công ty TNHH MTV Thực phẩm và Đầu tư Fococev: 200 tấn thành phẩm/ngày; Nhà máy chế biến điều Long Sơn Krông Pa - Công ty TNHH MTV Thực phẩm và Đầu tư Fococev: 150 tấn thành phẩm/ngày và Nhà máy chế biến điều Hải Bình của Doanh nghiệp tư nhân Hải Bình: 300 tấn nguyên liệu/năm.

- Diện tích cây điều đạt 21.372Ha, năng suất 0,97 tấn/Ha, sản lượng hạt điều đạt 17.020 tấn.

- Tỷ lệ chế biến đạt 100%, ngoài hạt điều nguyên liệu trong tỉnh, các đơn vị sản xuất trong nước còn nhập nguyên liệu từ Châu phi để chế biến.

2.4. Chè:

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có

02 nhà máy chế biến chè có công suất 52 tấn chè tươi/ngày. Cụ thể: Nhà máy Chè Bàu Cạn - Công ty TNHH MTV chè Bàu Cạn: 20 tấn búp tươi/ngày và Nhà máy Chè Biển Hồ - Công ty TNHH MTV chè Biển Hồ: 32 tấn búp tươi/ngày.

- Diện tích cây chè đạt 801,2 Ha, năng suất 12,52 tấn/Ha, sản lượng chè búp tươi đạt 10.030 tấn.

- Tỷ lệ chế biến chè đạt 100% (dự kiến sản lượng chè chế biến năm 2021 đạt 1.930 tấn).

2.5. Cao su:

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 15 cơ sở sản xuất, chế biến mủ cao su với tổng công suất 88.000 tấn/năm.

- Diện tích cây cao su đạt 86.980 Ha, năng suất 1,53 tấn/Ha, sản lượng mủ khô đạt 121.050 tấn.

- Tỷ lệ chế biến cao su crepe đạt 100%, chưa sản xuất được các sản phẩm tiêu dùng từ cao su.

2.6. Cà phê:

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 82 cơ sở sản xuất, chế biến cà phê với tổng công suất 11.800 tấn/năm (trong đó 75 cơ sở đã đi vào hoạt động với công suất 5.800 tấn/năm và 07 cơ sở mới đi vào hoạt động và đang xây dựng với công suất 6.000 tấn/năm).

- Diện tích cây cà phê đạt 97.357 Ha, năng suất 2,9 tấn/Ha, sản lượng đạt 254.000 tấn cà phê.

- Tỷ lệ chế biến cà phê bột đạt 6,64%. Sản lượng còn lại chủ yếu là sơ chế đánh bóng và xuất thô.

2.7. Hỗn tiêu:

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 nhà máy (thuộc Công ty CP Dịch vụ Phú Nhuận và Công ty TNHH Quốc tế Song Hỷ và Công ty TNHH Vĩnh Hiệp) sản xuất, chế biến tiêu với tổng công suất 6.500 tấn/năm.

- Diện tích cây tiêu đạt 13.673 Ha, năng suất 3,77 tấn/Ha, sản lượng tiêu hạt đạt 47.690 tấn.

- Tỷ lệ chế biến tiêu sọ trên địa bàn đạt 13,63%. Sản lượng còn lại được xuất bán thô.

2.8 Chế biến gỗ:

- Trên địa bàn tỉnh có 269 cơ sở trong lĩnh vực sản xuất, chế biến lâm sản đang hoạt động. Trong đó, có 95 doanh nghiệp (trong đó có 04 doanh nghiệp chế biến viên nén nguyên liệu với công suất 100.000 tấn/năm) và 174 hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã hoạt động.

- Một số nhà máy chế biến gỗ lớn như Hoàng Anh Gia Lai, Đức Long Gia Lai, Gia Khang, Nguyễn Quang

Gia Lai, ... và một số cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ khác đã tạo ra một lượng lớn các mặt hàng như: bàn, ghế, giường tủ và các loại mặt hàng nội thất để phục vụ nhu cầu thị trường trong nước cũng như phục vụ xuất khẩu.

2.9 Chế biến trái cây:

Diện tích cây ăn quả trên địa bàn tỉnh 13.705 ha.

Trên địa bàn tỉnh có các đơn vị chế biến sản phẩm trái cây là Công ty Vật tư Tổng hợp Hưng Nguyên với công suất 341 tấn sản phẩm/năm; Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Gia với công suất 52.000 tấn sản phẩm/năm (Nhà máy chế biến nước quả cô đặc và nước quả tự nhiên, công suất thiết kế 20.000 tấn/năm; nhà máy chế biến rau quả đông lạnh công suất 22.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy chế biến rau quả đồ hộp công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm)

2.10 Chế biến nước dược liệu:

Nhà máy chế biến sản xuất nước uống từ dược liệu của Công ty TNHH Khoa học Quốc tế Trường Sinh, công suất 6 triệu lít/năm.

2.11 Chế biến sữa:

Nhà máy chế biến sữa của Công



Nhà máy chế biến Công ty Đồng Dao. Ảnh Minh họa

ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Cao Nguyên, công suất 25 triệu lít/năm.

3. Giải pháp phát triển công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh:

Nhìn chung, tỷ lệ chế biến một số sản phẩm của nhóm cây công nghiệp lâu năm như cà phê, hồ tiêu, cao su đạt khá thấp. Do đó, Sở Công Thương đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ chế biến các sản phẩm trên, góp phần đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp chế biến nói riêng và đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp nói chung của tỉnh:

a. Giải pháp về hoàn thiện cơ chế chính sách:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt; Triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo vùng nguyên liệu để các nhà máy chế biến hoạt động ổn định và phát huy công suất thiết kế. Đồng thời, nắm bắt nhu cầu khó khăn, vướng mắc để tham mưu và đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh tháo gỡ kịp thời, giúp các nhà máy phát triển ổn định.

- Hoạch định chiến lược phát triển thị trường, giao lưu với các vùng kinh tế lân cận, tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi để mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm; tiếp tục nâng cao giá trị và đưa những sản phẩm chủ lực của tỉnh vào các thị trường lớn để xuất khẩu như cao su, tinh bột mì, chế biến hạt điều, chè ...

- Cơ cấu lại hệ thống tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ để phát triển các nhóm nông dân hợp tác, liên kết sản xuất theo hướng từ trống trọt đến sản xuất ra sản phẩm theo chuỗi giá trị có thương hiệu cạnh tranh trên thị trường.

b. Giải pháp về đầu tư hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kêu gọi, khuyến khích và kêu gọi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Đồng

thời chủ động đề xuất các vị trí phù hợp để quy hoạch các khu, cụm công nghiệp nhằm tạo quỹ đất "sạch" cho các nhà đầu tư. .

- Sử dụng có hiệu quả nguồn hỗ trợ của Trung ương và của địa phương để hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, đánh giá hiệu quả đầu tư, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành và phát triển các khu, cụm công nghiệp.

c. Giải pháp về môi trường đầu tư:

- Công khai, minh bạch và tổ chức hướng dẫn trình tự thực hiện các thủ tục hành chính tận tình, rõ ràng, cụ thể, thu lý hồ sơ, giải quyết đúng trình tự và trả kết quả đúng và sớm hơn thời gian quy định. Tuyên truyền các thủ tục hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan cho các tổ chức, cá nhân trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến công nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo về các thị trường xuất khẩu trọng điểm, giá cả các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

d. Cơ chế và tiến trình chuyển giao khoa học và công nghệ:

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong ngành công nghiệp chế biến; Khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Hiện đại hóa từng phần, từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất, đặc biệt các công đoạn có tính quyết định đến chất lượng sản phẩm. Kiên quyết không nhập khẩu công nghệ và thiết bị lạc hậu, đã qua sử dụng. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học

kỹ thuật tiên tiến, công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn quốc tế. Mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, đa dạng hóa các loại hình hợp tác để tranh thủ tối đa việc chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước ngoài cho phát triển công nghiệp.

- Tập trung phát triển và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến; triển khai các chương trình đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Ứng dụng rộng rãi các thành tựu của công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... trong các lĩnh vực quản lý hành chính và phát triển kinh tế của ngành;

- Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học-kỹ thuật, tạo điều kiện bổ sung, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao thêm trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khuyến khích phát triển các nghiên cứu mới có ứng dụng cao trong sản xuất.

d. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Chủ trọng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Làm tốt công tác tuyển sinh, đào tạo nghề nghiệp theo phương châm lấy chất lượng và hiệu quả đào tạo là mục tiêu hàng đầu. Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với Doanh nghiệp.

- Tập trung hoàn thiện, triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động, việc làm bền vững, an sinh xã hội./.

P.QLCN

NGÀNH CÔNG THƯƠNG GIA LAI THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỦA NGÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020, TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020.

Giai đoạn 2016-2021, trong bối cảnh phải đổi mới với sự ảnh hưởng bất lợi, những khó khăn, thách thức ở trong nước, trên thế giới và trong tỉnh, đặc biệt là sự ảnh hưởng của cuộc chiến thương mại Trung- Mỹ, dịch bệnh Covid - 19 bùng phát từ cuối năm 2019 cho đến nay... Song dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Ngành Công Thương đã tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, cơ bản thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã đề ra:

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010): năm 2016 đạt 16.658 tỷ đồng, năm 2020 đạt 22.519 tỷ đồng, tốc độ bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 8,2%, Trong đó: Công nghiệp khai khoáng:Năm 2016 đạt 225 tỷ đồng, năm 2020 ước đạt 174 tỷ đồng, tốc độ bình quân giai đoạn 2016 - 2020 giảm 5,98%; Công nghiệp chế biến, chế tạo:Năm 2016 đạt 11.000 tỷ đồng, năm 2020 thực hiện đạt 14.852 tỷ đồng, tốc độ bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 9,53%. Trong đó, đóng góp đáng kể vào ngành công nghiệp chế biến là ngành chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực như tinh bột sắn, đường tinh chế, chè chế biến; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước:Trong giai đoạn 2016 - 2020, nhờ vào việc đưa một số nhà máy nhiệt điện đi vào hoạt động như

Nhà máy nhiệt điện sinh khối An Khê (110MW), Nhà máy thủy điện Ia Grai 2 (7,5 MW), Nhà máy thủy điện Plei Keo công suất 10,5MW, thủy điện Đăk Ble công suất 5MW, thủy điện Krông Pa 2 công suất 15 MW, Nhà máy điện mặt trời Krông Pa (49MW), Nhà máy điện mặt trời Chu Ngọc (15 MWp), ... đã giúp cho ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Năm 2016 đạt 5.363 tỷ đồng, năm 2020 đạt 7.401 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 6,15%. Sản lượng điện sản xuất năm 2016 đạt 5.225 triệu Kwh,năm 2020 đạt 7.373 triệu Kwh, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 6,56%; Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải:Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2016 đạt 70 tỷ đồng, năm 2020 đạt 92 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ:Năm 2016 đạt 44.350 tỷ đồng, năm 2020 đạt 72.266 tỷ đồng tăng 3,85 so với năm 2019. Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2016-2020 là 13,72%.

Hoạt động xuất nhập khẩu:

- Xuất khẩu:Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2016 đạt 342,9 triệu USD, năm 2020 đạt 580 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 14,38%/năm. Mặt hàng xuất khẩu chủ lực là hàng nông sản với một số mặt hàng như: cà phê, cao su, sắn lát,

tiêu, sản phẩm gỗ...,

- Nhập khẩu: năm 2016 đạt 167,3 triệu USD, năm 2020 đạt 90 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt -15,6%/năm.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG THƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025.

* Các chỉ tiêu phát triển công nghiệp, thương mại, xuất khẩu giai đoạn 2021-2025.

- Công nghiệp: Kế hoạch năm 2021 giá trị sản xuất công nghiệp đạt 24.800 tỷ đồng, năm 2025 đạt 39.040 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 11,63%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ: năm 2021 ước đạt 84.000 tỷ đồng, năm 2025 ước đạt 140.000 tỷ đồng. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2021-2025 là 14,14%.

- Xuất khẩu: Mục tiêu xuất khẩu năm 2021 ước đạt 600 triệu USD, 2025 ước đạt 850 triệu USD, phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 7,94%/năm.

- Nhập khẩu: Kế hoạch năm 2020 ước đạt 90 triệu USD, kế hoạch năm 2025 đạt 120 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 5,92%.

* GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Công nghiệp:

a. Đối với giải pháp tạo điều kiện thuận lợi để các nhà máy mới đầu tư đi vào hoạt động trong giai đoạn 2021-2025:

- Tập trung ưu tiên và tạo mọi



điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh một số nhóm ngành công nghiệp mà tỉnh có lợi thế, như: Chế biến nông, lâm sản, công nghiệp năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, thủy điện), sản xuất vật liệu không nung, công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác quản lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khuyến khích và kêu gọi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Trung ương và của địa phương để đầu tư kết cấu hạ tầng; tạo điều kiện về đất đai, mặt bằng sản xuất; hỗ trợ công tác bảo hộ quyền sở hữu công nghệ và thương hiệu, xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường, hỗ trợ đào tạo lao động để tạo môi trường thuận lợi thu hút vốn đầu tư và cho các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Tận dụng có hiệu quả việc đầu tư hạ tầng các Khu, cụm công nghiệp để thu hút và kêu gọi đầu tư như Khu công nghiệp Nam Pleiku, Cụm công nghiệp Diên Phú, Mang Yang,...

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách ưu đãi đối với các dự án cần khuyến khích đầu tư và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên cơ sở vận dụng tối đa các cơ chế chính sách ưu đãi cao nhất theo quy định pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, kế hoạch, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu cho ngành công nghiệp, lựa chọn nhóm ngành cần ưu tiên phát triển phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và cụ thể cho từng giai đoạn.

b. Đối với giải pháp các nhà máy hiện có phát huy công suất trong giai đoạn 2021-2025:

- Hàng năm, Sở Công Thương làm việc với các nhà máy sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nắm bắt, tham mưu và đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời, giúp các nhà máy triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo vùng nguyên liệu để các nhà máy chế biến hoạt động ổn định và phát huy công suất thiết kế.

- Bên cạnh đó, tăng cường đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các nhà máy mới như HBRE, Ia Grăng 1, ... và làm việc

với các nhà máy chế biến và các dự án nâng công suất nhà máy để vào hoạt động sản xuất theo đúng tiến độ nhằm đạt được các chỉ tiêu kế hoạch và giá trị sản xuất công nghiệp;

- Sở Công Thương sẽ tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển thị trường, giao lưu với các vùng kinh tế lân cận, tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi để mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm; tiếp tục nâng cao giá trị và đưa những sản phẩm chủ lực của tỉnh vào các thị trường lớn để xuất khẩu như cao su, tinh bột mì, chế biến hạt điều, chè ... Tổ chức sử dụng có hiệu quả kinh phí khuyến công trung ương và khuyến công địa phương để hỗ trợ các cơ sở có điều kiện đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng quy mô sản xuất, thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thiết bị hiện đại, xây dựng thương hiệu, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.

2. Lĩnh vực xuất khẩu:

* Đối với các cơ quan quản lý nhà nước:

- Xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh, thông qua hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, kỹ thuật canh tác cây trồng cho năng suất chất lượng cao, đổi mới công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến sâu nhằm tăng giá trị sản phẩm hàng hóa nông sản xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

- Thu hút đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư các dự án sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm từ cao su, cà phê, hồ tiêu ... để nâng cao năng lực sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo về các thị trường xuất khẩu trọng điểm, giá cả các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

- Triển khai có hiệu quả chương trình thương hiệu quốc gia, hướng dẫn doanh nghiệp chủ động xây dựng thương hiệu hàng hóa gắn với chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của tỉnh, đặc biệt là hàng xuất khẩu. Khuyến khích tổ chức các sự kiện quảng bá, giới thiệu thương hiệu doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm đạt các giải thưởng trong tỉnh, quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, kho tàng bến bãi tại cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, nghiên cứu đề xuất xây dựng dự án đường cao tốc Pleiku - Quy Nhơn. Nâng cao chất lượng phục vụ trong khâu thông quan hàng hóa, kiểm tra kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu, để thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới.

- Tăng cường công tác đào tạo, phổ biến kiến thức về hội nhập quốc tế, chính sách, pháp luật thương mại của các nước cho cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kịp thời nắm bắt những thời cơ và thách thức khi hội nhập với quốc tế, cũng như có biện pháp tích cực và chủ động phòng tránh rủi ro để phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh.

* Đối với các doanh nghiệp trên địa bàn: Chủ động nắm bắt thời cơ, tập trung đổi mới công nghệ, tăng cường hợp tác và liên kết để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tổ chức mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng chú trọng chất lượng, đảm bảo an toàn

thực phẩm, thực hiện tốt các quy định về truy xuất nguồn gốc, kê khai vùng trồng, quy cách đóng gói nhãn mác hàng hóa cũng như các yêu cầu liên quan nhằm đáp ứng quy định, tiêu chuẩn đã thỏa thuận với nước nhập khẩu tránh phát sinh rủi ro và giảm thiểu thiệt hại trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Chủ động tìm kiếm, phát triển các thị trường mới để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tránh lệ thuộc vào các thị trường truyền thống để giảm thiểu rủi ro. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, phản ánh kịp thời những khó khăn vướng mắc để có biện pháp chủ động ứng phó, góp phần nâng cao hiệu quả xuất khẩu.

3. Giải pháp về lĩnh vực thương mại:

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Chương trình xúc tiến thương mại, chương trình kết nối cung cầu, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tổ chức giao thương hàng hóa. Đẩy mạnh phát triển các có hiệu quả cơ sở hạ tầng thương mại: Phát triển chợ bao gồm chợ đầu mối, chợ bán buôn, bán lẻ; chợ chuyên doanh theo hướng thành lập công ty; các cửa hàng tiện lợi; mạng lưới siêu thị, trung tâm Hội chợ triển lãm thương mại; mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh; áp dụng một số chính sách thu hút vốn đầu tư; thúc đẩy các doanh nghiệp tái cơ cấu lại sản xuất kinh doanh, xây dựng chiến lược và kế hoạch mở rộng quy mô kinh doanh nhằm tăng lợi nhuận, bảo đảm việc làm có tăng thu nhập, tăng các khoản nộp ngân sách và tích lũy vốn để tái đầu tư. Tổ chức tốt thị trường lưu thông hàng hóa, đảm bảo cung cầu hàng hóa, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh nhất là trong các dịp Lễ, Tết. Thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

kết hợp các chương trình khuyến mãi, hậu mãi với hàng hóa có mẫu mã đa dạng, có chất lượng và giá cả hợp lý, nâng cao tỷ trọng hàng Việt trong các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh. Tích cực tổ chức các Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi.

Trong trường hợp dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại, ngoài việc tăng cường đẩy mạnh và xúc tiến các hoạt động để vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế. Ngoài các giải pháp xúc tiến thương mại đã ban hành, cần quan tâm thực hiện thêm một số nhiệm vụ và giải pháp cấp bách như: Xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch Covid -19 theo xu thế thúc đẩy tăng trưởng; Xây dựng phương án tiêu thụ nông sản, lưu thông hàng hóa không để tắc nghẽn, ứ đọng hàng hóa trong thời gian dài đồng thời đề xuất các giải pháp giải cứu hàng hóa tiêu thụ kịp thời giảm thiểu thiệt hại về kinh tế cho người dân; Xây dựng phương án cung ứng hàng hóa nhằm đảm bảo nguồn cung các mặt hàng hóa để ứng phó diễn biến mới của dịch bệnh; Tăng cường chỉ đạo triển khai quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch kịp thời. Đồng thời đề xuất các phương án nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phát triển mục tiêu kép. Đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu ngay một số gói chính sách tín dụng hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, nông dân chịu ảnh hưởng của dịch bằng các biện pháp như: hỗ trợ thanh khoản, duy trì cho vay, miễn giảm lãi suất cho vay, khoanh nợ, giãn nợ, nói lời các điều khoản trả nợ, đẩy nhanh quá trình và thời gian xem xét các đơn xin vay và giải ngân các khoản vay, miễn lãi quá hạn các khoản vay./.

**Phòng Kế hoạch -
Tài chính- Tổng hợp**

XUẤT KHẨU GIA LAI

HÀNH TRÌNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Gia Lai có lợi thế phát triển cây công nghiệp với quy mô lớn như: Cà phê diện tích đến nay hơn 97.000 ha, với sản lượng đạt hơn 250.000 tấn/năm; Cao su kinh doanh gần 80.000 ha với sản lượng mủ khô hơn 117.000 tấn/năm; Hồ tiêu hơn 13.000 ha với sản lượng hơn 47.000 tấn/năm; Sắn hơn 78.000 ha, sản lượng đạt trên 1,5 triệu tấn/năm; khoảng 18.000 ha trái cây các loại... và nhiều loại nông sản hàng hóa khác, là nguồn nguyên liệu phong phú cho chế biến và xuất khẩu hàng nông sản của tỉnh.

Nhìn lại những thăng trầm, những biến động của kinh tế thế giới trong gần 20 qua đã đánh dấu những bước phát triển quan trọng vượt bậc của hoạt động xuất khẩu tỉnh nhà. Đặc biệt sau khi Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào năm 2007. Cũng bắt đầu từ đây, thị trường thế giới cũng như Việt Nam đã nhận thấy rõ hơn tác động của những rào cản mới trong quan hệ quốc tế này sinh ngày càng nhiều, mức độ ảnh hưởng ngày càng lớn làm cho hoạt động xuất khẩu của tỉnh gấp phải nhiều thách thức lớn về khả năng cạnh tranh, năng lực kinh doanh, định hướng thị trường...

Giai đoạn 2006-2010, tình hình thị trường thế giới biến động phức tạp đã ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu của tỉnh. Đặc biệt là tình hình khủng hoảng kinh tế thế giới cuối năm 2008 làm cho thị trường xuất khẩu của Việt Nam bị thu hẹp, giá cả một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh giảm mạnh. Tuy nhiên, kết quả xuất khẩu giai đoạn này cho thấy Việt Nam nói chung, tỉnh Gia Lai nói riêng đã có những bước khởi đầu tự tin, bản lĩnh trong hội nhập

kinh tế thế giới. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2006-2010 đạt 656,74 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 44%/năm. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu tập trung vào nhóm hàng nông-lâm sản. Trong đó, mủ cao su khô và cà phê nhân là hai mặt hàng có số lượng lớn và giá trị xuất khẩu cao, chiếm tỷ trọng hơn 80% trong tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh. Trong giai đoạn này, khả năng cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu còn khá thấp, chỉ xuất nông sản thô nên giá cả và chất lượng khó cạnh tranh với thị trường nước ngoài. Năng lực xuất khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh còn thấp và thiếu ổn định. Tuy tỉnh ta có nguồn nông sản lớn, dồi dào nhưng các doanh nghiệp chỉ xuất khẩu được từ 20-30% sản lượng hàng năm, phần lớn là các doanh nghiệp ngoài tỉnh đến thu mua nên không làm gia tăng kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh.

Bước sang giai đoạn 2010-2020, hoạt động xuất khẩu của tỉnh đã có những bước chuyển mình, dần tiến tới khẳng định năng lực xuất khẩu cũng như mức độ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Quy mô kim ngạch xuất khẩu tăng cao: từ 208 triệu USD năm 2010 tăng đến 580 triệu USD trong năm 2020 tăng gấp 2,7 lần.

Việc Chính phủ liên tiếp ký kết, đưa vào thực thi hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do: Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định đối tác toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA). Đặc biệt là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (Hiệp định EVFTA) chính thức có hiệu lực vào tháng 8/2020 tạo ra

nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận thị trường rộng lớn với thuế suất ưu đãi 0% đối với phần lớn mặt hàng nông sản ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực. Đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp của tỉnh Gia Lai đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm, trái cây... thúc đẩy giá tăng kim ngạch xuất khẩu.

Đến nay, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như: cà phê, cao su, sắn lát, tiêu, sản phẩm gỗ... đã có mặt trên thị trường của gần 40 quốc gia. Đặc biệt một số ngành hàng đã đáp ứng được yêu cầu chất lượng đối với thị trường khó tính như: Mỹ, EU, Nhật Bản... điển hình là cà phê với kim ngạch xuất khẩu trung bình gần 300 triệu USD/năm.

Đặc biệt, trong năm 2020, tình hình kinh tế thế giới và trong nước nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19 đã tác động nặng nề đến kinh tế, thương mại toàn cầu. Song xuất khẩu của Việt Nam, của tỉnh Gia Lai vẫn duy trì mức độ tăng trưởng dương. Thành quả trên là sự nỗ lực của Chính phủ, các Bộ Ngành trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh Ủy, UBND tỉnh; sự nỗ lực của các cấp, các ngành của tỉnh, đặc biệt là quyết tâm vượt qua khó khăn của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Ngày 16/9 vừa qua, tỉnh Gia Lai vinh dự được Chính Phủ, các Bộ Ngành lựa chọn làm nơi tổ chức Lễ xuất khẩu những lô hàng nông sản đầu tiên sang Châu Âu ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực. Đó là sản phẩm cà phê của Công ty TNHH Vĩnh Hiệp, Chanh leo của Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu DOVECO Gia Lai.

Đối với Gia Lai, việc tổ chức lễ công bố hai lô hàng đầu tiên xuất khẩu vào châu Âu ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực có ý nghĩa quan trọng, mở ra một thời kỳ thuận lợi cho nông sản Gia Lai khẳng định thương hiệu tại “sân chơi lớn” mang tầm quốc tế. Đây là minh chứng khẳng định nông sản của Gia Lai đã đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng của thị trường EU: về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, về các yếu tố đảm bảo an sinh xã hội, môi trường, các vấn đề về pháp lý, sở hữu trí tuệ...

Đồng thời lan tỏa động lực tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp tỉnh, đánh thức sự thay đổi, điều chỉnh phương thức sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp; làm thay đổi tư duy của các nhà quản lý, doanh nghiệp và nông dân không vì chạy theo sản lượng, phải ưu tiên chất lượng, lấy giá trị gia tăng của sản phẩm làm đích đến. Các doanh nghiệp phải thay đổi và phát triển hệ thống, quy trình sản xuất để cải thiện chất lượng nông sản. Từ tổ chức sản xuất, sử dụng giống, vật tư đầu vào, xây dựng mã số vùng trồng đến khâu chế biến, vận chuyển phải đảm bảo an toàn và minh bạch.

Trong thời gian tới, để tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, tỉnh Gia Lai cần tập trung trung triển khai đồng bộ các cơ chế chính sách, trọng tâm như:

- Tập trung kêu gọi thu hút đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, các dự án ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp có hàm lượng khoa học và công nghệ cao trong một số lĩnh vực chủ lực như: Giống cây trồng, công nghệ bảo quản, nhà máy chế biến nông sản sau thu hoạch, mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn, truy xuất nguồn gốc.

- Phát triển các sản phẩm chủ lực quốc gia có khả năng xuất khẩu:

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xác định 13 sản phẩm nông nghiệp chủ lực trong đó tỉnh Gia Lai có: gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, điêu, chè, rau quả, sắn và sản phẩm từ sắn, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, gỗ và sản phẩm từ gỗ. Một số sản phẩm của tỉnh đã tham gia vào thị trường xuất khẩu khá tốt : cà phê, cao su, hồ tiêu, điêu, rau quả, sắn và sản phẩm từ sắn, gỗ và sản phẩm từ gỗ. Năm 2020, tỉnh đã có 149 sản phẩm OCOP, trong đó có 22 sản phẩm đạt 4 sao và một số sản phẩm được giải cao tại các cuộc thi tại miền Trung, Tây Nguyên và toàn quốc.

Thời gian tới, tỉnh tiếp tục củng cố các chuỗi liên kết rau quả và cà phê đã có mô hình của Doveco và Vĩnh Hiệp, thúc đẩy củng cố và mở rộng các chuỗi còn lại. Tiếp tục phát triển các sản phẩm OCOP theo Đề án mỗi xã một sản phẩm ban hành kèm Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh Gia Lai. Các chính sách tập trung vào việc hỗ trợ các địa phương xác lập quyền sở hữu trí tuệ: Chỉ dẫn địa lý cà phê Gia Lai và Nhãn hiệu chứng nhận chanh dây Gia Lai; Gạo Phú Thiện, Rau An Khê, đang hoàn thiện Rau Đăk Pơ, Chôm Chôm la Grai... hỗ trợ chi phí trong việc đầu tư cơ sở, trang thiết bị, công nghệ sơ chế, chế biến tiên tiến.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường nước ngoài nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hàng nông sản của tỉnh.

- Sở Công Thương tham mưu xây dựng Kế hoạch phát triển xuất khẩu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025, xây dựng các giải pháp đồng bộ để thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của tỉnh nhằm thích ứng với tình hình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh ; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Phấn đấu đến năm 2025 tỉnh Gia Lai đứng trong top 20 của bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của cả nước./.

các đơn vị liên quan tổ chức; kết hợp tổ chức giới thiệu, quảng bá tiềm năng xuất khẩu và các doanh nghiệp xuất khẩu nhân dịp các sự kiện ngoại giao của tỉnh. Đặc biệt triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện các Hiệp định thương mại tự do : Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA.. thực hiện tốt vai trò là cơ quan đầu mối để thúc đẩy, kết nối các Sở ngành đưa nội dung các Hiệp định đi vào thực tế và phát huy hiệu quả đối với cộng đồng xã hội; trọng tâm là tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ngày càng tiếp cận gần hơn với thị trường nước ngoài, tận dụng cơ hội để tiếp thu khoa học kỹ thuật, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

- Tăng cường đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng các dự án có quy mô lớn, mang tính đột phá, trên cơ sở huy động bằng nhiều nguồn lực ngân sách và ngoài ngân sách như: Cao tốc Quốc lộ 19 nối Cảng Quy Nhơn-Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, đường nối 2 tỉnh Gia Lai Phú Yên, AyunPa- Ea Hleo (Đăk Lăk) sẽ tạo điều kiện kết nối hạ tầng, phát triển dịch vụ logistic tạo thuận lợi trong quá trình vận chuyển hàng hóa, giảm chi phí vận chuyển...v.v

- Đồng thời tập trung nguồn lực để ưu tiên đầu tư phát triển thành phố Pleiku là trung tâm hạt nhân của tỉnh; củng cố các vùng động lực phía Đông (thị xã An Khê), phía Đông Nam (thị xã AyunPa), phía Tây Nam (Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh) tạo sự lan tỏa đối với các vùng còn lại của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh ; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Phấn đấu đến năm 2025 tỉnh Gia Lai đứng trong top 20 của bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của cả nước./.

Nguyễn Thị Diễm Kiều
Phó phòng Quản lý XNK

KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Gia Lai là tỉnh có tiềm năng lớn về vật liệu xây dựng, theo thống kê hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng trên 80 mỏ khoáng sản các loại được cấp phép và đang khai thác cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN). Ngoài ra trên địa bàn tỉnh hiện có nhiều công trình giao thông, thuỷ điện, điện năng lượng, thuỷ lợi... đang thi công cũng cần sử dụng tới VLNCN. Vì vậy, nhu cầu sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cũng như giai đoạn tới tương đối lớn.

VLNCN là loại vật tư kỹ thuật đặc biệt cần có sự quản lý nghiêm ngặt của nhà nước về an ninh trật tự, an toàn lao động, cháy nổ và vệ sinh môi trường. Do vậy, trong những năm qua công tác quản lý VLNCN trên địa bàn tỉnh đã được tăng cường, ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân làm việc liên quan đến VLNCN đã được nâng lên. Tuy vẫn còn một số khuyết điểm tồn tại cần khắc phục, song nhìn chung công tác quản lý nhà nước về VLNCN đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ.

Với chức năng quản lý nhà nước về VLNCN, Sở Công Thương là cơ quan cấp phép sử dụng VLNCN và tiếp nhận thông báo sử dụng VLNCN của các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn tỉnh. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp trong việc cấp phép nổ mìn, Quy trình cấp phép được Sở tiến hành niêm yết công khai, minh bạch, đúng quy định của Nhà nước, thực hiện tiếp nhận hồ sơ cấp phép theo quy định về thực hiện thủ tục hành chính tại trung tâm hành chính



Khai thác mỏ đá xây dựng có biển báo an toàn. Ảnh: Hoàng Hùng

công của tỉnh Gia Lai tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp đến làm thủ tục cấp phép VLNCN. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có trên 50 địa điểm đã được cấp và đăng ký sử dụng VLNCN.

Trong những năm qua, Sở Công Thương đã tổ chức hội nghị tập huấn về VLNCN và hóa chất cho Lãnh đạo các Phòng Kinh tế - Hạt tầng các huyện, thị xã, thành phố; Lãnh đạo các doanh nghiệp có hoạt động VLNCN và hóa chất trên địa bàn; chủ trì cùng với Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PC07) - Công an tỉnh tổ chức nhiều lớp tập huấn kỹ thuật an toàn VLNCN và phòng cháy chữa cháy cho trên 400 học viên của các doanh nghiệp hoạt động VLNCN trên địa bàn. Thông qua các đợt Hội nghị tập huấn và huấn luyện kỹ thuật an toàn về VLNCN, Sở Công Thương đã phổ

biến những văn bản quy phạm pháp luật đến những người làm việc liên quan đến VLNCN. Ngoài ra, Sở thường xuyên có văn bản chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về VLNCN, nhất là đối với các khu vực nhạy cảm dễ xảy ra khiếu kiện; chấn chỉnh việc bảo quản, sử dụng VLNCN, để hạn chế đến mức thấp nhất việc lưu trữ VLNCN tại hiện trường qua đêm,...

Hàng năm, Sở Công Thương phối hợp với Phòng PC06, PC07 - Công an tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức kiểm tra định kỳ các doanh nghiệp kinh doanh cung ứng, vận chuyển, bảo quản và sử dụng VLNCN. Qua các đợt kiểm tra đã hướng dẫn, chấn chỉnh, nhắc nhở đối với những hành vi vi phạm ở mức độ nhỏ; tiến hành xử lý đối với những vi phạm. Do làm tốt công tác phối hợp kiểm tra giữa các ngành, nên



Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra an toàn kho VLNCN. Ảnh: Hoàng Hùng

đã giảm được thời gian kiểm tra tại các doanh nghiệp; đồng thời kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp trong hoạt động VLNCN.

Nhờ tăng cường công tác quản lý nhà nước về VLNCN nên ý thức chấp hành pháp luật về VLNCN của các đơn vị được nâng cao. Phần lớn các đơn vị thực hiện tốt công tác quản lý, bảo quản, sử dụng VLNCN như đã bố trí những người đã tập huấn kỹ thuật an toàn VLNCN làm các công việc liên quan đến VLNCN, trang bị các thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác nổ mìn, mở sổ sách theo dõi công tác xuất, nhập VLNCN,... chính vì vậy thời gian qua chưa để xảy ra tình trạng mất an toàn, cháy nổ trong quá trình vận chuyển, bảo quản và sử dụng.

Bên cạnh các Doanh nghiệp chấp hành tốt, vẫn còn một số ít doanh nghiệp chấp hành chưa tốt các quy định về VLNCN như:

- Còn tồn tại trường hợp một người làm chỉ huy nổ mìn ký hợp đồng làm việc cho nhiều đơn vị ở các vị trí cách xa nhau, do đó dẫn đến tình trạng, khi tiến hành nổ mìn, tại hiện trường không có mặt chỉ huy nổ mìn;

- Hầu hết các đơn vị đều sử dụng Chỉ huy nổ mìn là những người không được đào tạo chuyên ngành về nổ mìn (chiếm trên

90%), thợ mìn chưa được đào tạo để cấp chứng chỉ nghề theo quy định, vì thế hạn chế trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nổ mìn nhất là việc nổ vi sai hoặc phi điện; vẫn còn doanh nghiệp lập hộ chiếu nổ mìn lập không đảm bảo các yêu cầu về mặt kỹ thuật hoặc giao cho người không có chuyên môn lập hộ chiếu;

- Hiện tượng để lại VLNCN sử dụng không hết tại hiện trường (nhất là đối với các đơn vị nổ mìn theo hộ chiếu), vận chuyển thuốc nổ và phương tiện nổ trên cùng một chuyến xe vẫn còn tồn tại;

- Một số Doanh nghiệp được cấp phép khai thác mỏ có sử dụng VLNCN để khai thác gần khu dân cư, mặc dù cơ quan chức năng đã tính toán để không chế lượng thuốc nổ trong mỗi lần nổ, nhưng vẫn còn hiện tượng chập bãi hoặc chấp hành việc nổ vi sai không đúng khối lượng quy định, nên vẫn để xảy ra tình trạng khiếu kiện về nổ mìn.

- Các đơn vị phần lớn thực hiện không nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng VLNCN (không đúng thời gian quy định); khi thay đổi nhân sự làm việc liên quan đến VLNCN không báo cáo; Khi chấm dứt sử dụng VLNCN không báo cáo với cơ quan chức năng (chủ yếu đối với các đơn vị nổ mìn thi công công trình),...

Để khắc phục những tồn tại nêu trên cũng như tăng cường hơn nữa việc chấp hành nghiêm túc các quy định về VLNCN, trong thời gian tới Sở Công Thương sẽ quan tâm thực hiện một số vấn đề chính sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, phổ biến pháp luật đối với các hoạt động sử dụng VLNCN để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về VLNCN của các Doanh nghiệp;

- Hạn chế việc cấp phép sử dụng VLNCN đối với các đơn vị nổ mìn nhỏ, lẻ, không thường xuyên; hạn chế cho phép các đơn vị có nhu cầu nổ mìn thường xuyên nổ mìn theo hộ chiếu (không có kho chứa), vì đối với những đơn vị này rất dễ xảy ra tình trạng khi sử dụng không hết VLNCN đã cấp theo hộ chiếu nổ mìn, sẽ để VLNCN thừa nổ vào các đợt sau, hoặc chập một số hộ chiếu nổ mìn đã mua VLNCN vào nổ một lần dẫn tới mất an toàn trong bảo quản (bảo quản không đúng nơi quy định), sử dụng, dễ dẫn tới nguy cơ thất thoát VLNCN. Trong thời gian tới sẽ yêu cầu các đơn vị này phải xây dựng kho chứa (nhất là đối với các đơn vị khai thác đá granit) mới được phép sử dụng.

- Khuyến khích các đơn vị có đủ năng lực về con người, thiết bị làm dịch vụ nổ mìn trên địa bàn tỉnh.

- Xử lý nghiêm những đơn vị vi phạm trong lĩnh vực hoạt động VLNCN theo Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.

- Yêu cầu các đơn vị sử dụng VLNCN cần phải có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo những người làm việc liên quan đến VLNCN. Sở Công Thương sẽ làm đầu mối mời các trường dạy nghề tổ chức các lớp đào tạo về thợ mìn trên địa bàn để giúp các doanh nghiệp có đội ngũ thợ mìn đủ trình độ chuyên môn theo quy định,...

Phòng KTAT- MT

TUYÊN TRUYỀN, QUÁN TRIỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY CHẾ 238 CỦA BAN Bí THƯ

Ngày 23/3/2021, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã ban hành Hướng dẫn việc quán triệt và tổ chức thực hiện Quyết định số 238-QĐ/TW ngày 30/9/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành “Quy chế phối hợp giữa Ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm” (gọi tắt là Quy chế 238) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Theo đó, cấp ủy, tổ chức đảng, ban tuyên giáo và cơ quan nhà nước các cấp cần cùchức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tế chỉ đạo, tổ chức quán triệt triển khai thực hiện Quy chế 238, trong đó cần tập trung làm rõ nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu và sự phối hợp của ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm.

Quy chế 238 được áp dụng đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở; các địa phương không xây dựng quy chế riêng. Cấp ủy đảng các huyện, thị, thành ủy tập trung chỉ đạo ban tuyên giáo và cơ quan nhà nước cùng cấp xây dựng chương trình phối hợp giai đoạn 2021-2025; đồng thời cụ thể hóa bằng kế hoạch phối hợp hàng năm; chú trọng công tác kiểm tra, đôn đốc sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Quy chế 238 ở địa phương; nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có

thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Quy chế 238.

Về hình thức xây dựng chương trình phối hợp giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch phối hợp cụ thể hàng năm thực hiện như sau:

- Ban Tuyên giáo cấp ủy bám sát nội dung Quy chế 238, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được xác định trong nghị quyết đại hội đảng bộ các huyện, thị, thành ủy và Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVI của Đảng bộ tỉnh; căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan (gồm: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân cấp huyện) để dự thảo nội dung Chương trình phối hợp với các cơ quan nhà nước cùng cấp trong giai đoạn 2021-2025.

- + Căn cứ chương trình công tác hàng năm của cấp ủy, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung dự báo các vấn đề nổi cộm, phức tạp, nhạy cảm có thể phát sinh trong quá trình thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, để xây dựng kế hoạch phối hợp cụ thể hàng năm.

- + Các dự thảo chương trình phối hợp giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch phối hợp hàng năm được thảo luận, thống nhất trong các cơ quan, đơn vị liên quan. Sau khi hoàn chỉnh nội dung, sẽ tổ chức Hội nghị quán triệt, ký kết chương trình phối hợp giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch phối hợp năm 2021, thời gian hoàn thành trong tháng 4 năm 2021.

- + Định kỳ hàng năm, Ban Tuyên giáo cấp ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến

hành sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phối hợp trong năm, kịp thời đề xuất, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đồng thời xác định nội dung, nhiệm vụ năm tiếp theo.

- Đối với các cơ quan nhà nước cùng cấp chủ động đề xuất nội dung và tham gia góp ý việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết vụ án, vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm. Trong trường hợp xuất hiện tình hình tư tưởng, dư luận xã hội về vụ việc nổi cộm, được dư luận xã hội, nhân dân quan tâm, bức xúc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực do cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, quản lý cần phải thông tin kịp thời bằng văn bản tới Ban Tuyên giáo cấp ủy để nghị phối hợp giải quyết.

Việc phối hợp giữa ban tuyên giáo và cơ quan nhà nước các cấp tùy thuộc vào nội dung, thời điểm của từng công việc cụ thể để xác định vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan, cụ thể:

- Ban Tuyên giáo các cấp là cơ quan đầu mối chủ động, chủ trì công tác phối hợp khi xảy ra các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm; có trách nhiệm giúp cấp ủy chủ trì xây dựng chương trình phối hợp giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch phối hợp hàng năm và theo dõi việc triển khai thực hiện; nắm tình hình tư tưởng, dư luận, tâm trạng của các tầng lớp Nhân dân trong triển khai thực hiện Quy chế 238; định kỳ báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ cấp ủy về kết quả việc thực hiện Quy chế 238.

- Các cơ quan nhà nước các cấp chủ động đề xuất nội dung chương trình, kế hoạch phối hợp, nhất là khi triển khai các dự án, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm quốc gia, địa phương có ảnh hưởng đến di tích lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo; công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lăng phí; bảo vệ môi trường; biên giới, biển, đảo, độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia; tự do ngôn luận; yếu tố nước ngoài; khi xét xử các vụ án lớn...

Ngoài ra, các cơ quan báo chí của tỉnh bám sát chỉ đạo, định hướng của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thường xuyên đăng tải thông tin về các hoạt động phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi

pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm. Kiểm soát chặt chẽ tin, bài, tránh những tin bài phản ánh sai sự thật, không đúng tinh thần Quy chế 238; kịp thời xây dựng các tuyến bài đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, thông tin giả, sai sự thật, ngăn cản việc thực thi pháp luật và phát triển kinh tế - xã hội.

Việc quán triệt và tổ chức thực hiện Quy chế 238 của Ban Bí thư trên địa bàn Tỉnh Gia Lai nhằm tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và các cơ quan liên quan từ tỉnh đến cơ sở để triển khai thực hiện tốt Quy chế 238; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, phát huy vai trò, trách

nhiệm phối hợp của ban tuyên giáo và các cơ quan Nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm.

Thông qua việc quán triệt và tổ chức thực hiện Quy chế 238 góp phần ngăn chặn, phòng ngừa xảy ra điểm nóng, giải quyết kịp thời các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong từng địa phương, đơn vị; đồng thời cổ vũ, động viên các cấp, các ngành và Nhân dân trong tinh thần nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới./.

Thanh tra Sở



CÔNG DÂN ĐƯỢC KHAI THÁC THÔNG TIN CỦA MÌNH TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 37/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân. Nghị định số 37/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 14/5/2021.

Theo đó, Nghị định này sửa đổi, bổ sung hình thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGVDC) như sau: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khai thác thông tin trong CSDLQGVDC để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao qua việc kết nối, chia sẻ thông tin theo quy định tại Điều 7 Nghị định này trên CSDLQGVDC, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh hoặc khai thác bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin.

Tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông, di động, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số định danh điện tử, tổ chức hành nghề công chứng, thừa phát lại và tổ chức khác được

giao thực hiện dịch vụ công khai thác thông tin trong CSDLQGVDC qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin hoặc theo phương thức khai thác khác do Bộ Công an hướng dẫn.

Công dân khai thác thông tin của mình trong CSDLQGVDC bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin hoặc thông qua dịch vụ nhắn tin, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

Các tổ chức, cá nhân không thuộc các quy định tại nêu trên khai thác thông tin trong CSDLQGVDC bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin.

Đáng chú ý, Nghị định này đã sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục cấp số định danh cá nhân đối với công dân đã đăng ký khai sinh. Cụ thể, công dân đã đăng ký khai sinh nhưng chưa được cấp số định danh cá nhân thì cơ quan quản lý CSDLQGVDC xác lập số định danh cá nhân cho công dân theo thông tin hiện có trên CSDLQGVDC.

Ngay sau khi xác lập được số định danh cá nhân cho công dân,

cơ quan quản lý CSDLQGVDC có văn bản thông báo cho công dân về số định danh cá nhân đã được xác lập và các thông tin của công dân hiện có trong CSDLQGVDC. Trường hợp thông tin của công dân trong CSDLQGVDC chưa đầy đủ thì trong văn bản thông báo cần yêu cầu công dân bổ sung thông tin cho Công an xã, phường, thị trấn nơi mình đang cư trú để thực hiện cập nhật, chỉnh sửa thông tin trong CSDLQGVDC.

Trường hợp công dân đã có số định danh cá nhân mà được xác định lại giới tính hoặc cải chính năm sinh thì cơ quan quản lý CSDLQGVDC xác lập lại số định danh cá nhân cho công dân sau khi công dân đó đã thực hiện việc đăng ký hộ tịch liên quan đến thông tin về giới tính, năm sinh theo quy định pháp luật về đăng ký hộ tịch. Cơ quan quản lý CSDLQGVDC có văn bản thông báo cho công dân về số định danh cá nhân đã được xác lập lại.

Cơ quan cấp thẻ Căn cước công dân sử dụng số định danh cá nhân đã được cơ quan quản lý CSDLQGVDC xác lập cho công dân để cấp thẻ Căn cước công dân theo quy định.

Thanh tra Sở

ĐỊA CHỈ MỘT SỐ CHUYÊN MỤC CẦN BIẾT TRÊN WEBSITE SỞ CÔNG THƯƠNG

<http://sct.gialai.gov.vn/>: Bản tin thị trường nông, lâm, thủy sản.

<http://sct.gialai.gov.vn/>: Cơ hội giao thương.

<http://sct.gialai.gov.vn/>: Cổng thông tin thị trường nước ngoài.